

X. Thanh KT

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *1763* /UBND-KT

Đồng Nai, ngày *12* tháng *3* năm 2015

V/v triển khai thực hiện Thông
tư số 22/2015/TT-BTC ngày
12/02/2015 của Bộ Tài chính.

Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh.

UBND tỉnh nhận được Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12/02/2015 của Bộ Tài chính về việc quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trên địa bàn các huyện nghèo và các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao (bản sao đính kèm); Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh và các đơn vị có liên quan căn cứ nội dung Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12/02/2015 của Bộ Tài chính để kịp thời triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, kịp thời báo cáo đề xuất UBND tỉnh và Bộ Tài chính theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Chủ tịch và các Phó Chủ tịch;
 - Chánh - Phó Văn phòng;
 - Lưu: VT, KT.
- Thái TM

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**



Đ. Thanh
Lê Sĩ Lâm

Số: 22/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2015

Số: 1267A	
ĐẾN	Ngày: 9/3/15
Chuyến: 9/3/15	

THÔNG TƯ

**Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và
vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trên địa bàn các huyện nghèo
và các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao**

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 52/1999/NĐ-CP ngày 08/7/1999 ban hành Quy chế Quản lý đầu tư và xây dựng; Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05/5/2000 sửa đổi Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP; Nghị định số 07/2003/NĐ-CP ngày 30/01/2003 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị định số 52/1999/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Thực hiện Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25/4/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 07 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Thực hiện Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Thực hiện Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên vào danh mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đầu tư,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trên địa bàn các huyện nghèo và các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này áp dụng cho các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội sử dụng vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác (gọi chung là dự án) trên địa bàn các huyện nghèo và các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo (gọi chung là huyện nghèo).

2. Đối tượng áp dụng là các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng, quản lý, thanh toán, quyết toán các dự án trên địa bàn huyện nghèo.

Điều 2. Nguồn vốn

Vốn đầu tư, vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư của các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội của các huyện nghèo, bao gồm:

1. Nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm:

a) Nguồn vốn ngân sách trung ương:

- Nguồn vốn do các Bộ, ngành Trung ương quản lý;

- Nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương hàng năm;

- Nguồn vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình mục tiêu.

b) Nguồn vốn ngân sách địa phương; 

c) Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (vốn vay ưu đãi), vốn viện trợ không hoàn lại được tài trợ từ các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ;

2. Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ.

3. Vốn hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, thanh toán, quyết toán

1. Việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án trên địa bàn các huyện nghèo đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm, hiệu quả; chấp hành đúng chế độ quản lý tài chính - đầu tư - xây dựng của Nhà nước và theo đúng nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Việc quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các nguồn vốn: ngân sách cấp xã, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA và vay ưu đãi thực hiện như sau:

- Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách cấp xã và thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24/02/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

- Các dự án đầu tư bằng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 231/2012/TT-BTC ngày 28/12/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư đối với các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

- Các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vay ưu đãi được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 218/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

Riêng những nội dung mang tính đặc thù như: thời gian điều chỉnh kế hoạch vốn, thời gian thực hiện, thời gian thanh toán vốn được thực hiện theo quy định tại Thông tư này và văn bản của cấp có thẩm quyền.

Điều 4. Cơ quan kiểm soát, thanh toán vốn

1. Cơ quan Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán vốn theo nhiệm vụ được giao.

2. Cơ quan, đơn vị khác được giao nhiệm vụ kiểm soát thanh toán vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho một số dự án đặc thù theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.✚

3. Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vay ưu đãi: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 218/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

PHÂN BỐ, THẨM TRA PHÂN BỐ VÀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH

Điều 5. Phân bổ, thẩm tra phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư

Việc lập kế hoạch và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư hàng năm (trong đó có việc lồng ghép các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn các huyện nghèo) thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 12/02/2014 của liên Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính về việc hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo, các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có), các quy định hiện hành và hướng dẫn xây dựng dự toán hàng năm của Bộ Tài chính. Để phục vụ cho công tác quản lý và kiểm soát thanh toán vốn, các Bộ, ngành và địa phương giao kế hoạch vốn cho từng dự án, đảm bảo các điều kiện nghiệm tắc sau:

1. Điều kiện dự án được giao kế hoạch vốn.

a) Đối với các dự án được Thủ tướng Chính phủ giao và Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo danh mục và mức vốn đầu tư hàng năm từ ngân sách trung ương (bao gồm vốn hỗ trợ có mục tiêu cho các địa phương), vốn trái phiếu Chính phủ, phải đảm bảo đủ các thủ tục đầu tư dự án theo quy định; các dự án khởi công mới, dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư phải được thẩm định nguồn vốn theo đúng quy định hiện hành;

b) Đối với vốn đầu tư từ ngân sách địa phương phải đảm bảo đủ các thủ tục đầu tư dự án theo quy định, các địa phương thực hiện thẩm định nguồn vốn trước khi phê duyệt dự án theo đúng quy định hiện hành.

2. Về mã số dự án và kế hoạch vốn.

Các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp phân bổ vốn đầu tư phát triển cho từng dự án theo mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) theo Phụ lục số 02 ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước, Thông tư số 110/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày 23/10/2013 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi, bổ sung hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

a) Đối với dự án do Bộ, ngành trung ương quản lý: ✎

- Căn cứ vào kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn (nếu có) và kế hoạch vốn đầu tư phát triển hàng năm được giao, các Bộ, ngành phân bổ chỉ tiêu kế hoạch vốn hàng năm cho Chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý đã đủ điều kiện quy định, đảm bảo đúng với mức vốn được giao; cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước, cơ cấu ngành kinh tế; đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và Kho bạc Nhà nước đúng thời gian quy định để theo dõi quản lý;

- Kho bạc Nhà nước (trung ương) nhận được kế hoạch vốn đầu tư của Bộ, ngành Trung ương đã phân bổ chi tiết cho từng dự án, thực hiện chuyển kế hoạch vốn các dự án (có chi tiết theo mã chương, mã dự án đầu tư và ngành kinh tế (loại, khoản) của các Bộ, ngành về Kho bạc Nhà nước (địa phương) để làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn.

b) Đối với dự án do địa phương quản lý:

- Căn cứ vào kế hoạch trung hạn (nếu có) và kế hoạch hàng năm được giao, UBND các cấp lập phương án phân bổ vốn đầu tư trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định. Theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, UBND phân bổ và quyết định giao kế hoạch vốn đầu tư cho Chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý đã đủ các điều kiện quy định, đảm bảo khớp đúng với chỉ tiêu được giao về tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn trong nước, vốn ngoài nước, cơ cấu ngành kinh tế, tổng mức vốn của từng chương trình, danh mục và mức vốn của dự án; tuân thủ các quy định về đối tượng đầu tư và mục tiêu sử dụng của từng nguồn vốn đầu tư (thuộc thẩm quyền phân bổ vốn của địa phương); đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước đúng thời gian quy định để theo dõi quản lý và làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn;

- UBND huyện gửi kế hoạch vốn đầu tư về Sở Tài chính, đồng gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch và Kho bạc Nhà nước huyện để theo dõi, làm căn cứ kiểm soát, thanh toán vốn. Đối với các huyện, phường, xã nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân thực hiện theo Thông tư số 63/2009/TT-BTC ngày 27/3/2009 của Bộ Tài chính quy định về việc công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường, xã nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân.

3. Nội dung và thời gian giao kế hoạch vốn đầu tư: ngay sau khi nhận được kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước hàng năm (bao gồm cả kế hoạch vốn bổ sung) được cấp có thẩm quyền giao theo quy định, các Bộ, ngành và các địa phương khẩn trương giao kế hoạch vốn cho từng dự án theo *Mẫu biểu số 01/PBKH ban hành kèm theo Thông tư này*; thời gian giao kế hoạch vốn đảm bảo đúng quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Thẩm tra phân bổ kế hoạch vốn đầu tư.

a) Đối với dự án do Bộ, ngành trung ương quản lý:

Bộ Tài chính có ý kiến thẩm tra phân bổ gửi các Bộ, ngành trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kế hoạch phân bổ vốn đầu tư của các Bộ, ngành, bao gồm cả kế hoạch điều chỉnh, bổ sung (nếu có). Trường hợp có dự án

phân bổ không đúng quy định, Bộ Tài chính có ý kiến đề Kho bạc Nhà nước dừng thanh toán, nếu đã thanh toán thì thực hiện thu hồi số vốn đã thanh toán cho dự án đó. Các Bộ, ngành có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư các dự án được phân bổ vốn không đúng quy định hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán và chịu trách nhiệm về hậu quả do việc phân bổ không đúng quy định gây ra.

b) Đối với dự án do địa phương quản lý:

- Đối với dự án do cấp tỉnh quản lý, trong quá trình tham gia với các đơn vị liên quan về kế hoạch vốn đầu tư hàng năm, bao gồm cả kế hoạch điều chỉnh, bổ sung (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương), Sở Tài chính đồng thời thực hiện nhiệm vụ thẩm tra kế hoạch phân bổ vốn đầu tư trước khi các cơ quan trình UBND cấp tỉnh quyết định, đảm bảo các dự án phải có đầy đủ thủ tục đầu tư và đáp ứng được nguyên tắc phân bổ vốn. Căn cứ quyết định về kế hoạch vốn đầu tư của UBND cấp tỉnh giao, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo quy định. Trường hợp có dự án không đủ thủ tục đầu tư, Kho bạc Nhà nước tỉnh dừng thanh toán và thông báo cho Sở Tài chính để trình UBND cấp tỉnh xử lý theo đúng quy định;

- Đối với dự án do cấp huyện quản lý, Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ thẩm tra phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngay trước khi trình UBND huyện quyết định, đảm bảo các dự án phải có đầy đủ thủ tục đầu tư và đáp ứng được nguyên tắc phân bổ vốn. Căn cứ quyết định về kế hoạch vốn đầu tư của UBND huyện giao, Kho bạc Nhà nước huyện thực hiện kiểm soát thanh toán theo quy định. Trường hợp phát hiện dự án không đủ thủ tục đầu tư, Kho bạc Nhà nước huyện dừng thanh toán và thông báo cho Phòng Tài chính - Kế hoạch, đồng thời báo cáo UBND huyện để xử lý theo đúng quy định;

- Trong quá trình Bộ Tài chính có ý kiến nhận xét phân bổ kế hoạch vốn đầu tư hàng năm và bổ sung trong năm của các dự án được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách trung ương, trường hợp phát hiện có dự án không đủ thủ tục đầu tư, không thuộc danh mục giao kế hoạch, không đúng đối tượng, không đúng mức vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, Bộ Tài chính có ý kiến thông báo gửi UBND cấp tỉnh và Kho bạc Nhà nước dừng thanh toán; trường hợp đã thanh toán thì thực hiện thu hồi số vốn đã thanh toán cho dự án đó. UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo chủ đầu tư hoàn trả ngân sách nhà nước số vốn đã thanh toán và chịu trách nhiệm về hậu quả do việc phân bổ không đúng quy định gây ra.

5. Tài liệu để phục vụ cho cơ quan thẩm tra phân bổ kế hoạch vốn đầu tư bao gồm:

a) Đối với dự án chuẩn bị đầu tư:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền;
- Văn bản phê duyệt dự toán chi phí công tác chuẩn bị đầu tư.

b) Đối với dự án thực hiện đầu tư:

- Văn bản thẩm định nguồn vốn theo quy định đối với dự án khởi công mới, dự án điều chỉnh tổng mức đầu tư;

- Quyết định đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật), các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có).

6. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư.

a) Nguyên tắc:

- Các Bộ, ngành trung ương và các địa phương rà soát tiến độ thực hiện và mục tiêu đầu tư của các dự án trong năm để điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư, chuyển vốn từ các dự án không có khả năng thực hiện sang các dự án đủ điều kiện có khối lượng để thanh toán;

- Trước khi gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư từng dự án theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền; các Bộ, ngành Trung ương và các địa phương chỉ đạo Chủ đầu tư dừng thanh toán tại thời điểm dự kiến điều chỉnh và làm việc với Kho bạc Nhà nước để xác nhận số vốn thuộc kế hoạch năm đã thanh toán cho dự án, xác định số vốn còn dư do không thực hiện được, đảm bảo kế hoạch của dự án sau khi điều chỉnh không thấp hơn số vốn Kho bạc Nhà nước đã thanh toán theo *Mẫu biểu số 02/XNVTT ban hành kèm theo Thông tư này*. Các Bộ, ngành trung ương, các địa phương chịu trách nhiệm về số liệu giải ngân và số kế hoạch vốn điều chỉnh. Thời hạn gửi kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư chậm nhất ngày 30 tháng 4 của năm sau năm kế hoạch.

b) Các Bộ, ngành trung ương và các địa phương thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư theo quy định, gửi cơ quan Tài chính đồng cấp và Kho bạc Nhà nước để làm căn cứ thanh toán. Thời hạn điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư hàng năm cho từng dự án chậm nhất ngày 31 tháng 5 năm sau năm kế hoạch. Việc thẩm tra điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư thực hiện như quy định tại khoản 4 của Điều này;

Kế hoạch vốn điều chỉnh của các dự án phải nằm trong phạm vi tổng vốn kế hoạch giao hàng năm đã bố trí và phải nằm trong phạm vi tổng kế hoạch trung hạn (nếu có). Tổng mức vốn điều chỉnh không vượt kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ giao đối với nguồn vốn ngân sách trung ương theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình và không vượt kế hoạch đã được Chủ tịch UBND cấp tỉnh, UBND huyện giao đối với nguồn vốn ngân sách địa phương theo *Mẫu biểu số 03/ĐCKH ban hành kèm theo Thông tư này*.

Mục 2

TẠM ỨNG, THANH TOÁN VÀ THU HỒI VỐN ỨNG

Điều 6. Tạm ứng, thanh toán vốn đầu tư và thu hồi vốn ứng

1. Mở tài khoản

Chủ đầu tư hoặc Ban quản lý dự án (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) thực hiện mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Điều 8, Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước trong điều kiện áp dụng Hệ thống thông tin quản lý Ngân sách và Kho bạc và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

2. Hồ sơ thanh toán.

Để phục vụ cho công tác quản lý, kiểm soát thanh toán vốn đầu tư, chủ đầu tư gửi đến Kho bạc Nhà nước nơi mở tài khoản thanh toán các hồ sơ của dự án; các hồ sơ này là bản chính hoặc bản sao y bản chính, chỉ gửi một lần cho đến khi dự án kết thúc đầu tư kể cả trường hợp dự án sử dụng nhiều nguồn vốn, trừ trường hợp phải bổ sung, điều chỉnh, bao gồm:

a) Đối với công tác chuẩn bị đầu tư:

- Dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt;
- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);
- Hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có) giữa chủ đầu tư với nhà thầu;
- Trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện: hồ sơ gồm dự toán chi phí cho công tác chuẩn bị đầu tư được duyệt, văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ.

b) Đối với công tác thực hiện đầu tư:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) kèm quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);
- Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);
- Hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có) giữa chủ đầu tư với nhà thầu bao gồm các tài liệu kèm theo của hợp đồng theo quy định của pháp luật, trừ các tài liệu mang tính kỹ thuật;
- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của chủ đầu tư cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình đối với trường hợp chỉ định thầu hoặc tự thực hiện và các công việc thực hiện không thông qua hợp đồng;
- Văn bản thẩm định nguồn vốn theo quy định (áp dụng đối với dự án do địa phương quản lý).

c) Đối với trường hợp Chủ đầu tư tự thực hiện:

- Dự án đầu tư xây dựng công trình (hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án chỉ lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật) và quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, các quyết định điều chỉnh dự án (nếu có);

- Dự toán và quyết định phê duyệt dự toán của chủ đầu tư đối với từng công việc, hạng mục công trình, công trình;

- Văn bản của cấp có thẩm quyền cho phép tự thực hiện dự án (trường hợp chưa có trong quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền);

- Văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ.

3. Tạm ứng vốn.

a) Hồ sơ đề nghị tạm ứng vốn: căn cứ hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 2 Điều này và mức vốn tạm ứng quy định tại điểm b, khoản 3 Điều này; Chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị tạm ứng gửi tới Kho bạc Nhà nước gồm:

- Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng vốn đầu tư theo *Mẫu biểu số 04/GĐNTTVĐT ban hành kèm theo Thông tư này*;

- Chứng từ chuyển tiền (theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính);

- Bảo lãnh khoản tiền tạm ứng của nhà thầu được thực hiện theo quy định dưới đây và văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có):

+ Đối với các hợp đồng đã ký kết kể từ ngày Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng có hiệu lực thi hành (ngày 01/02/2014) được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

Riêng đối với các trường hợp tự thực hiện, thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng về bảo lãnh tạm ứng hợp đồng đối với một số trường hợp đặc thù;

+ Đối với các hợp đồng đã ký kết và đang thực hiện trước ngày có hiệu lực thi hành của Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ (ngày 01/02/2014) thì không phải thực hiện theo quy định này.

b) Mức vốn tạm ứng được thực hiện theo quy định dưới đây và văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có):

Tổng mức vốn tạm ứng của các hợp đồng thực hiện trong năm tối đa là 30% kế hoạch vốn giao trong năm của dự án (bao gồm kế hoạch điều chỉnh); tổng số vốn tạm ứng không vượt giá trị tạm ứng theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng). Trường hợp dự án được bố trí kế hoạch vốn mà mức vốn tạm ứng không đủ theo hợp đồng, sau khi đã thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi toàn bộ hoặc một phần số vốn đã tạm ứng lần trước, theo đề nghị của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước tạm ứng tiếp cho dự án;

Tổng số dư vốn tạm ứng chưa thu hồi tối đa là 30% kế hoạch vốn giao trong năm của dự án. Trường hợp mức vốn đã tạm ứng chưa thu hồi cao hơn 30% kế hoạch sau điều chỉnh, chủ đầu tư phối hợp với Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thu hồi để đảm bảo tổng số dư vốn tạm ứng theo quy định trên;

Đối với công việc giải phóng mặt bằng, mức vốn tạm ứng theo yêu cầu, nhu cầu tại phương án giải phóng mặt bằng được duyệt của cấp có thẩm quyền nhưng không vượt kế hoạch vốn hàng năm đã bố trí trong kế hoạch cho phần việc giải phóng mặt bằng;

c) Việc tạm ứng vốn được thực hiện sau khi hợp đồng có hiệu lực; căn cứ đề nghị tạm ứng của chủ đầu tư, căn cứ kế hoạch vốn được giao trong năm (bao gồm kế hoạch điều chỉnh) và hợp đồng kinh tế ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, chuyển vốn tạm ứng đảm bảo không vượt mức vốn tạm ứng quy định tại điểm b, khoản 3 Điều này;

d) Thanh toán và thu hồi vốn tạm ứng:

Vốn tạm ứng được thanh toán qua từng lần thanh toán khối lượng hoàn thành của hợp đồng, bắt đầu thanh toán từ lần thanh toán đầu tiên và thu hồi hết khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thanh toán từng lần do Chủ đầu tư thống nhất với nhà thầu và quy định cụ thể trong hợp đồng;

Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa bên giao thầu và bên nhận thầu. Chủ đầu tư đảm bảo và chịu trách nhiệm giá trị của bảo lãnh tạm ứng tương ứng với số dư tiền tạm ứng còn lại. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải được kéo dài cho đến khi chủ đầu tư đã thu hồi hết số tiền tạm ứng.

- Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất:

+ Đối với công việc bồi thường, hỗ trợ: sau khi chi trả cho người thụ hưởng, chủ đầu tư tập hợp chứng từ, làm thủ tục thanh toán và thu hồi tạm ứng trong thời hạn chậm nhất là 30 ngày làm việc kể từ ngày chi trả cho người thụ hưởng;

+ Đối với các công việc khác: vốn tạm ứng được thu hồi vào từng kỳ thanh toán khối lượng hoàn thành và thu hồi hết khi đã thực hiện xong công việc bồi thường, hỗ trợ.

đ) Chủ đầu tư có trách nhiệm cùng với nhà thầu tính toán mức tạm ứng hợp lý, quản lý chặt chẽ, sử dụng vốn tạm ứng đúng mục đích, đúng đối tượng, hiệu quả và có trách nhiệm thu hồi tạm ứng ngay từ lần thanh toán khối lượng đầu tiên theo tỷ lệ đã được chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất trong hợp đồng và thu hồi số vốn đã tạm ứng khi thanh toán khối lượng hoàn thành đạt đến 80% giá trị hợp đồng;

Trường hợp vốn tạm ứng quá thời hạn 6 tháng theo quy định trong hợp đồng hoặc tiến độ giải phóng mặt bằng theo phương án giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải thực hiện khối lượng mà nhà thầu hoặc đơn vị được giao nội dung công việc giải phóng mặt bằng chưa thực hiện do nguyên nhân khách quan hay chủ quan hoặc sau khi ứng vốn mà nhà thầu hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ giải phóng mặt bằng sử dụng sai mục đích thì chủ đầu tư phối hợp với Kho bạc Nhà nước để xác định số thu hồi và chịu trách nhiệm thu hồi hoàn trả vốn đã tạm ứng cho ngân sách nhà nước;

Riêng trường hợp chủ đầu tư đã tạm ứng vốn cho công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng nhưng chưa chi trả cho người thụ hưởng vì lý do bất khả kháng thì chủ đầu tư chuyển toàn bộ số tiền đã tạm ứng về tài khoản tiền gửi của chủ đầu tư tại Kho bạc Nhà nước để thuận tiện cho việc kiểm soát thanh toán và thu hồi tạm ứng;

Trường hợp đến hết năm kế hoạch mà vốn tạm ứng chưa thu hồi hết do hợp đồng chưa được thanh toán đạt đến tỷ lệ quy định thì tiếp tục thu hồi trong kế hoạch năm sau và không trừ vào kế hoạch thanh toán vốn đầu tư năm sau.

e) Nhà nước cấp vốn cho Chủ đầu tư để tạm ứng trong năm kế hoạch chậm nhất là đến ngày 31 tháng 12 (trừ trường hợp thanh toán tạm ứng để thực hiện giải phóng mặt bằng thì được thực hiện đến hết ngày 31/01 năm sau). Chủ đầu tư có thể tạm ứng một lần hoặc nhiều lần cho một hợp đồng căn cứ vào nhu cầu thanh toán vốn tạm ứng nhưng không vượt mức vốn tạm ứng theo quy định nêu trên; trường hợp kế hoạch vốn bố trí không đủ mức vốn tạm ứng theo hợp đồng thì Chủ đầu tư được tạm ứng tiếp trong kế hoạch năm sau.

4. Thanh toán khối lượng hoàn thành.

a) Đối với công việc được thực hiện thông qua hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định sau và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có):

Việc thanh toán hợp đồng phải phù hợp với loại hợp đồng, giá hợp đồng và các điều kiện trong hợp đồng. Số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, thời hạn thanh toán, hồ sơ thanh toán và điều kiện thanh toán phải được quy định rõ trong hợp đồng. Chủ đầu tư có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện áp dụng các loại giá hợp đồng theo quy định tại Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng và Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11/12/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng:

- Đối với hợp đồng trọn gói: Thanh toán theo tỉ lệ phần trăm (%) giá hợp đồng hoặc giá công trình, hạng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán được ghi trong hợp đồng;

- Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định: Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá trong hợp đồng;✱

- Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh: Thanh toán trên cơ sở khối lượng thực tế hoàn thành (kể cả khối lượng tăng hoặc giảm được phê duyệt theo thẩm quyền, nếu có) được nghiệm thu và đơn giá đã điều chỉnh do trượt giá theo đúng các thỏa thuận của hợp đồng;

- Đối với hợp đồng theo thời gian:

+ Chi phí cho chuyên gia được xác định trên cơ sở mức lương cho chuyên gia và các chi phí liên quan do các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhân với thời gian làm việc thực tế được nghiệm thu (theo tháng, tuần, ngày, giờ);

+ Các khoản chi phí ngoài mức thù lao cho chuyên gia thì thanh toán theo phương thức quy định trong hợp đồng;

- Đối với hợp đồng kết hợp các loại giá hợp đồng: Việc thanh toán được thực hiện tương ứng với các loại hợp đồng quy định nêu trên;

- Đối với khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng:

Việc thanh toán các khối lượng phát sinh (ngoài hợp đồng) chưa có đơn giá trong hợp đồng, thực hiện theo các thỏa thuận bổ sung hợp đồng mà các bên đã thống nhất trước khi thực hiện và phải phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp bổ sung công việc phát sinh thì chủ đầu tư và nhà thầu phải ký phụ lục bổ sung hợp đồng theo nguyên tắc sau đây:

+ Trường hợp khối lượng công việc phát sinh lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng hoặc khối lượng phát sinh chưa có đơn giá trong hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở các bên thống nhất xác định đơn giá mới theo nguyên tắc thỏa thuận trong hợp đồng về đơn giá cho khối lượng phát sinh;

+ Trường hợp khối lượng phát sinh nhỏ hơn hoặc bằng 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng thì áp dụng đơn giá trong hợp đồng, kể cả đơn giá đã được điều chỉnh theo thỏa thuận của hợp đồng (nếu có) để thanh toán;

+ Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định và hợp đồng theo thời gian thì khi giá nhiên liệu, vật tư, thiết bị do Nhà nước áp dụng biện pháp bình ổn giá theo quy định của Luật Giá có biến động bất thường hoặc khi nhà nước thay đổi chính sách về thuế, tiền lương ảnh hưởng trực tiếp đến giá hợp đồng thì được thanh toán trên cơ sở điều chỉnh đơn giá nếu được phép của cấp quyết định đầu tư và các bên có thỏa thuận trong hợp đồng;

+ Đối với hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, thì đơn giá trong hợp đồng được điều chỉnh cho những khối lượng công việc mà tại thời điểm ký hợp đồng, bên giao thầu và bên nhận thầu cam kết sẽ điều chỉnh lại đơn giá do trượt giá sau một khoảng thời gian nhất định kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;

+ Đối với hợp đồng trọn gói: trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng thi công xây dựng là khối lượng nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo thiết kế; đối với hợp đồng tư vấn là khối lượng nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện). Trường

hợp này, khi điều chỉnh khối lượng mà không làm thay đổi mục tiêu đầu tư hoặc không vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp làm vượt tổng mức đầu tư được phê duyệt thì phải được Người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

- Hồ sơ thanh toán: Khi có khối lượng hoàn thành được nghiệm thu theo giai đoạn thanh toán và điều kiện thanh toán trong hợp đồng, chủ đầu tư lập hồ sơ đề nghị thanh toán gửi Kho bạc Nhà nước, bao gồm:

+ Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc thanh toán tạm ứng vốn đầu tư;

+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành đề nghị thanh toán theo *Mẫu biểu số 05.a/BXĐKLHT* ban hành kèm theo Thông tư này, đối với khối lượng đền bù giải phóng mặt bằng theo *Mẫu biểu số 05.b/BXNKLDB* ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Khi có khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng, chủ đầu tư gửi Bảng tính giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết đề nghị thanh toán có xác nhận của đại diện bên giao thầu, đại diện tư vấn (nếu có) và đại diện bên nhận thầu theo *Mẫu biểu số 06/BXNKLPS* ban hành kèm theo Thông tư này;

+ Chứng từ chuyển tiền (theo quy định hệ thống chứng từ kế toán của Bộ Tài chính).

b) Đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng (như trường hợp tự làm, một số công việc quản lý dự án do Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện), việc thanh toán trên cơ sở bảng kê khối lượng công việc hoàn thành (có chữ ký và đóng dấu của chủ đầu tư) và dự toán được duyệt phù hợp với tính chất từng loại công việc. Hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê khối lượng công việc hoàn thành và dự toán được duyệt cho từng công việc; giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư hoặc tạm ứng (nếu có) và chứng từ chuyển tiền.

Đối với chi phí đền bù, bồi thường hỗ trợ và tái định cư, hồ sơ thanh toán bao gồm: bảng kê xác nhận khối lượng đền bù, giải phóng mặt bằng đã thực hiện, việc tạm ứng, thanh toán được thực hiện như đối với các dự án hoặc gói thầu xây dựng công trình. Riêng chi phí cho công tác tổ chức đền bù giải phóng mặt bằng, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào dự toán chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được duyệt, chuyển toàn bộ tiền thanh toán theo đề nghị của chủ đầu tư cho tổ chức thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng. Việc quản lý, sử dụng chi phí này do tổ chức thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm thực hiện theo quy định tại Thông tư số 57/2010/TT-BTC ngày 16/4/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có). ★

c) Đối với những trường hợp có thực hiện việc phúc tra nghiệm thu kết quả thực hiện dự án theo quy định thì kết quả phúc tra nghiệm thu là căn cứ sau cùng để thanh toán khối lượng công việc thực hiện dự án.

5. Kiểm soát thanh toán của Kho bạc Nhà nước

a) Căn cứ hồ sơ đề nghị thanh toán của chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước căn cứ vào các điều khoản thanh toán được quy định trong hợp đồng, văn bản giao việc hoặc hợp đồng nội bộ (đối với trường hợp chủ đầu tư tự thực hiện dự án), số lần thanh toán, giai đoạn thanh toán, thời điểm thanh toán, các điều kiện thanh toán và giá trị từng lần thanh toán để thanh toán cho chủ đầu tư;

Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện, định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc, chất lượng công trình; Kho bạc Nhà nước không chịu trách nhiệm về các vấn đề này. Kho bạc Nhà nước căn cứ hồ sơ thanh toán và thực hiện thanh toán theo hợp đồng.

b) Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát thanh toán theo nguyên tắc “thanh toán trước, kiểm soát sau” cho từng lần thanh toán và “kiểm soát trước, thanh toán sau” đối với lần thanh toán cuối cùng của hợp đồng. Kho bạc Nhà nước hướng dẫn cụ thể phương thức kiểm soát thanh toán trong hệ thống Kho bạc Nhà nước, đảm bảo tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư, nhà thầu và đúng quy định của Nhà nước;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc đối với trường hợp “kiểm soát trước, thanh toán sau” và trong 03 ngày làm việc đối với trường hợp thanh toán tạm ứng và “thanh toán trước, kiểm soát sau” kể từ khi nhận đủ hồ sơ tạm ứng, thanh toán theo quy định của chủ đầu tư, căn cứ vào hợp đồng (hoặc dự toán được duyệt đối với các công việc được thực hiện không thông qua hợp đồng) và số tiền chủ đầu tư đề nghị thanh toán, Kho bạc Nhà nước kiểm soát, cấp vốn thanh toán cho dự án và thu hồi vốn tạm ứng theo quy định;

d) Số vốn thanh toán cho từng công việc, hạng mục công trình, công trình không vượt dự toán được duyệt hoặc giá gói thầu; tổng số vốn thanh toán cho dự án không vượt tổng mức đầu tư đã được phê duyệt. Số vốn thanh toán cho dự án trong năm (bao gồm cả thanh toán tạm ứng và thanh toán khối lượng hoàn thành) không vượt kế hoạch vốn cả năm đã bố trí cho dự án;

đ) Kế hoạch vốn năm của dự án chỉ thanh toán cho khối lượng hoàn thành được nghiệm thu, thời hạn thanh toán (trong đó có thanh toán để thu hồi vốn đã tạm ứng) theo quy định tại khoản 7 của Điều này;

e) Đối với một số dự án đặc biệt quan trọng cần phải có cơ chế tạm ứng, thanh toán vốn khác với các quy định trên đây, sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính sẽ có văn bản hướng dẫn riêng;

6. Việc quản lý, thanh toán, thu hồi và quyết toán nguồn vốn ứng trước dự toán ngân sách năm sau cho các dự án được thực hiện như sau: ✱

a) Việc ứng trước dự toán ngân sách năm sau được thực hiện theo quy định của khoản 3, Điều 57 Luật Ngân sách Nhà nước số 01/2002/QH11 ngày 16/12/2002 và Điều 61 Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước và Thông tư số 59/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

b) Căn cứ văn bản ứng trước vốn của cấp có thẩm quyền, Bộ Tài chính thông báo cho các Bộ, ngành, địa phương đối với nguồn vốn từ ngân sách trung ương về danh mục, tổng mức ứng, nguồn vốn ứng, niên độ ứng và thu hồi; đồng gửi Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước để quản lý, thanh toán cho dự án. Các Bộ, ngành, địa phương phân bổ đúng danh mục và mức vốn được giao;

Trường hợp các Bộ, ngành, địa phương phân bổ sai danh mục và mức vốn ứng theo thông báo của Bộ Tài chính thì Kho bạc Nhà nước dừng thanh toán đồng thời báo cáo Bộ Tài chính xem xét, xử lý và báo cáo UBND cấp tỉnh về việc dừng thanh toán (đối với dự án do địa phương quản lý);

c) Thời hạn thanh toán thực hiện như thời hạn thanh toán vốn đầu tư trong kế hoạch năm được ứng trước. Trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Hết thời hạn thanh toán, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục huỷ bỏ mức vốn ứng trước chưa sử dụng;

d) Thu hồi vốn: Các Bộ, địa phương có trách nhiệm bố trí kế hoạch vốn cho dự án trong dự toán ngân sách năm sau để hoàn trả vốn ứng trước. Khi thẩm tra phân bổ vốn đầu tư trong kế hoạch hàng năm, đối với ngân sách trung ương, Bộ Tài chính đồng thời thông báo thu hồi vốn ứng trước, số thu hồi vốn tối đa bằng mức vốn đã được ứng trước, trừ trường hợp được Thủ tướng Chính phủ cho phép chưa thu hồi; đối với vốn ngân sách địa phương và vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới, trường hợp UBND các cấp không bố trí hoặc bố trí không đủ số vốn thu hồi theo quy định, Kho bạc Nhà nước địa phương thông báo cho Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch để báo cáo UBND các cấp bố trí thu hồi số vốn đã ứng trước theo quy định;

đ) Quyết toán vốn: Thời hạn quyết toán vốn ứng trước theo thời hạn được bố trí vốn để thu hồi. Trường hợp dự án được thu hồi vốn ứng theo thời kỳ một số năm thì số vốn thu hồi của kế hoạch năm nào được quyết toán vào niên độ ngân sách năm đó, số vốn đã thanh toán nhưng chưa bố trí để thu hồi được chuyển sang năm sau quyết toán phù hợp với kế hoạch thu hồi vốn.

7. Thời hạn thực hiện và thanh toán vốn đầu tư

a) Thời gian thực hiện và thanh toán vốn kế hoạch năm đến hết ngày 30 tháng 6 năm tiếp theo năm kế hoạch; Trường hợp sau thời hạn trên do Thủ tướng Chính phủ quy định. Hết thời hạn thanh toán, Kho bạc Nhà nước làm thủ tục huỷ bỏ mức vốn ứng trước chưa sử dụng.

b) Kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán vốn: ✱

- Hết ngày 30 tháng 6 năm sau năm kế hoạch, kế hoạch vốn đã giao cho các dự án chưa sử dụng hoặc sử dụng chưa hết thì huỷ bỏ; trừ các trường hợp được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm sau (nếu có);

- Việc xét chuyển vốn kéo dài của các dự án: Sau khi kết thúc thời hạn thanh toán vốn hàng năm theo quy định (ngày 30 tháng 6 năm sau), căn cứ vào tình hình thực hiện và thanh toán vốn của các dự án, theo đề nghị của chủ đầu tư, các dự án thuộc đối tượng (tại gạch đầu dòng thứ nhất điểm b, khoản 7 của Điều này), cơ quan chủ quản tổng hợp, có văn bản đề nghị kèm theo xác nhận của Kho bạc Nhà nước nơi dự án mở tài khoản về số vốn đã thanh toán đến hết ngày 30 tháng 6 năm sau gửi Bộ Tài chính (đối với các dự án thuộc ngân sách trung ương) và Chủ tịch UBND cấp tỉnh (đối với các dự án thuộc ngân sách địa phương) để xem xét, giải quyết;

- Thời gian xét chuyển kéo dài:

+ Văn bản đề nghị kéo dài của các cơ quan chủ quản kết thúc chậm nhất ngày 31 tháng 7 hàng năm, trong đó ghi rõ tên dự án, kế hoạch vốn năm, số vốn đã thanh toán đến hết 30 tháng 6 năm sau, số vốn đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và thanh toán, thời gian kéo dài, lý do kéo dài;

+ Căn cứ văn bản đề nghị của cơ quan chủ quản, Bộ trưởng Bộ Tài chính (đối với các dự án thuộc ngân sách trung ương) và Chủ tịch UBND cấp tỉnh (đối với các dự án thuộc ngân sách địa phương) quyết định danh mục, thời hạn các dự án đầu tư được phép kéo dài;

+ Việc quyết định danh mục, thời hạn các dự án được phép kéo dài kết thúc trước ngày 30 tháng 8 hàng năm;

Hết ngày 30 tháng 8 năm sau, các trường hợp không có văn bản của cơ quan có thẩm quyền chấp nhận cho kéo dài thực hiện kế hoạch sang ngân sách năm sau chỉ tiếp thì số vốn còn lại bị huỷ bỏ;

- Thời hạn thanh toán vốn kéo dài: không quá ngày 31 tháng 12 của năm sau năm kế hoạch. Trường hợp khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Mục 3

QUYẾT TOÁN

Điều 7. Quyết toán vốn đầu tư

1. Quyết toán vốn đầu tư hàng năm.

Việc quyết toán vốn đầu tư hàng năm thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính (tại Thông tư 210/2010/TT-BTC ngày 20/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước theo niên độ ngân sách hàng năm) và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

2. Quyết toán dự án hoàn thành.

a) Việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước (tại Thông tư số 19/2011/TT-BTC ngày 14/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước) và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

b) Công tác tiếp nhận hồ sơ và trình tự thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành theo quy định tại Quy trình thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/QĐ-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có).

Mục 4

QUẢN LÝ, THANH TOÁN

VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ

Điều 8. Sử dụng vốn

Vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư trong dự toán ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp chỉ được sử dụng cho các trường hợp đầu tư cải tạo mở rộng, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có (bao gồm cả việc xây dựng mới các hạng mục công trình trong các cơ sở đã có của các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp). Không bố trí vốn sự nghiệp cho các dự án đầu tư mới, chỉ đầu tư các dự án đã có và bổ sung các hạng mục còn thiếu.

Điều 9. Lập kế hoạch, phân bổ và thẩm tra phân bổ vốn

Việc lập kế hoạch, phân bổ, thẩm tra phân bổ vốn thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính đối với vốn sự nghiệp.

Điều 10. Tạm ứng, thanh toán vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư

1. Hồ sơ tạm ứng, thanh toán:

- Các dự án có tổng mức đầu tư từ 01 tỷ đồng trở lên, hồ sơ tạm ứng thanh toán thực hiện như quy định đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư phát triển quy định tại Điều 6 Thông tư này (riêng đối với quyết định đầu tư dự án hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật không bắt buộc phê duyệt trước 31/10 năm trước năm kế hoạch);

- Các dự án có tổng mức đầu tư dưới 01 tỷ đồng, hồ sơ tạm ứng, thanh toán thực hiện như quy định đối với vốn sự nghiệp.

2. Tạm ứng và thanh toán vốn:

- Việc tạm ứng và thanh toán vốn của các dự án có tổng mức đầu tư từ 01 tỷ đồng trở lên được thực hiện như đối với các dự án đầu tư bằng nguồn vốn đầu tư; ✱

- Việc tạm ứng và thanh toán vốn của các dự án có tổng mức vốn dưới 01 tỷ đồng được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản vốn sự nghiệp.

Điều 11. Chế độ báo cáo, quyết toán và kiểm tra

Chế độ báo cáo, quyết toán niên độ ngân sách năm và kiểm tra thực hiện như quy định đối với vốn sự nghiệp và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Riêng việc quyết toán dự án hoàn thành thực hiện như quy định đối với vốn đầu tư theo Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Mục 5

QUẢN LÝ, THANH TOÁN

NGUỒN VỐN HỖ TRỢ, ĐÓNG GÓP CỦA CÁC TỔ CHỨC,

CÁ NHÂN TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Điều 12. Quản lý nguồn vốn hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (gọi chung là Nhà tài trợ)

Việc quản lý nguồn vốn hỗ trợ, đóng góp của Nhà tài trợ thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định tại Thông tư này.

1. Trường hợp đóng góp có địa chỉ cụ thể:

a) Trường hợp Nhà tài trợ đóng góp bằng tiền để xây dựng một công trình: Nhà tài trợ chuyển tiền trực tiếp vào tài khoản của UBND huyện mở tại Kho bạc Nhà nước huyện. UBND huyện thông báo cho chủ đầu tư công trình thực hiện. Việc quản lý thanh toán, quyết toán vốn đóng góp của Nhà tài trợ thực hiện theo quy định như đối với vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội của các huyện nghèo (trừ trường hợp Nhà tài trợ có yêu cầu khác);

b) Trường hợp Nhà tài trợ đóng góp bằng hiện vật (như vật tư, thiết bị, ngày công lao động) để xây dựng một công trình: Chủ đầu tư, Nhà tài trợ, nhà thầu (nếu có) cùng các cơ quan chức năng có liên quan của huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch, cơ quan quản lý xây dựng) tổ chức nghiệm thu xác định giá trị vật tư, thiết bị, ngày công lao động theo đúng định mức, đơn giá của Nhà nước để bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng. Chủ đầu tư báo cáo Phòng Tài chính - Kế hoạch (đối với công trình do cấp huyện quản lý) hoặc UBND xã (đối với công trình do cấp xã quản lý) để thực hiện ghi thu, ghi chi theo chế độ quy định;

c) Trường hợp Nhà tài trợ tự tổ chức xây dựng và đóng góp bằng một công trình hoàn thành: Việc quản lý vốn đầu tư xây dựng công trình do Nhà tài trợ quyết định. Sau khi công trình hoàn thành, Nhà tài trợ, đơn vị được giao quản lý sử dụng công trình, nhà thầu (nếu có) cùng các cơ quan chức năng có liên quan của huyện (Phòng Tài chính - Kế hoạch, cơ quan quản lý xây dựng) tổ chức nghiệm thu xác định giá trị công trình theo đúng định mức, đơn giá của Nhà nước để bàn giao cho chủ đầu tư đưa vào sử dụng.

2. Trường hợp đóng góp chung cho Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững của huyện; không có địa chỉ cụ thể:

a) Đối với đóng góp bằng tiền: Nhà tài trợ chuyển trực tiếp vào tài khoản của Ủy ban nhân dân huyện mở tại Kho bạc Nhà nước huyện. UBND huyện tổ chức phân phối sử dụng thống nhất trong phạm vi địa phương theo kế hoạch hàng năm và dự án được duyệt. Việc quản lý thanh toán, quyết toán vốn đóng góp của Nhà tài trợ thực hiện theo quy định như đối với vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội của các huyện nghèo (trừ trường hợp Nhà tài trợ có yêu cầu khác);

b) Đối với đóng góp bằng hiện vật: UBND huyện tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bằng hiện vật của Nhà tài trợ; tổ chức nghiệm thu xác định giá trị theo đúng định mức, đơn giá của Nhà nước; tổ chức phân phối sử dụng thống nhất trong phạm vi địa phương theo kế hoạch hàng năm và dự án được duyệt.

3. Sau khi tiếp nhận đóng góp của Nhà tài trợ, UBND huyện tổng hợp vào kết quả thực hiện Chương trình và báo cáo UBND cấp tỉnh.

Mục 6

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, KIỂM TRA

Điều 13. Chế độ báo cáo, kiểm tra

1. Báo cáo:

a) Đối với các chủ đầu tư, các Bộ và UBND cấp tỉnh: thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007 của Thủ tướng Chính phủ về Chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước, Thông tư số 05/2007/TT-BKH ngày 09/8/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các biểu mẫu báo cáo và hướng dẫn thực hiện Quyết định số 52/2007/QĐ-TTg ngày 16/4/2007 và văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

b) Đối với Sở Tài chính và Kho bạc Nhà nước:

- Thực hiện chế độ báo cáo về vốn đầu tư của các dự án theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Kết thúc năm kế hoạch, Kho bạc Nhà nước tổng hợp số liệu thanh toán vốn đầu tư báo cáo cơ quan tài chính đồng cấp theo quy định về quyết toán ngân sách nhà nước và xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án do chủ đầu tư lập theo 2 thời điểm: đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau và đến hết ngày 30 tháng 6 năm sau.

2. Kiểm tra:

a) Các Bộ, UBND cấp tỉnh, cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra các chủ đầu tư, nhà thầu tham gia dự án về tình hình sử

dùng vốn tạm ứng, vốn thanh toán khối lượng hoàn thành và việc chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước;

b) Các Bộ, UBND cấp tỉnh, UBND huyện, xã tự thực hiện việc kiểm tra trong phạm vi chức năng quản lý;

c) Cơ quan Tài chính các cấp định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra Kho bạc Nhà nước về việc thực hiện chế độ thanh toán vốn đầu tư.

Mục 7

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 14. Trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan có liên quan

1. Đối với chủ đầu tư

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định, tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn đúng mục đích, đúng đối tượng, tiết kiệm và có hiệu quả. Chấp hành đúng quy định của pháp luật về chế độ quản lý tài chính đầu tư;

Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của khối lượng thực hiện và tuân thủ theo định mức, đơn giá, dự toán các loại công việc của cấp có thẩm quyền phê duyệt; chất lượng công trình và giá trị đề nghị thanh toán; đảm bảo tính chính xác, trung thực, hợp pháp của các số liệu, tài liệu trong hồ sơ cung cấp cho Kho bạc Nhà nước và các cơ quan chức năng của Nhà nước;

b) Khi có khối lượng đã đủ điều kiện thanh toán theo hợp đồng, tiến hành nghiệm thu kịp thời, lập đầy đủ hồ sơ thanh toán và đề nghị thanh toán cho nhà thầu theo thời gian quy định của hợp đồng;

c) Căn cứ các quy định hiện hành của các văn bản hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật Xây dựng, Chủ đầu tư mua bảo hiểm đối với các dự án đầu tư;

d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ theo quy định cho cơ quan quyết định đầu tư và các cơ quan nhà nước có liên quan; cung cấp đủ hồ sơ, tài liệu, tình hình theo quy định cho Kho bạc Nhà nước và cơ quan Tài chính để phục vụ cho công tác quản lý và thanh toán vốn; chịu sự kiểm tra của cơ quan Tài chính, Kho bạc Nhà nước và cơ quan quyết định đầu tư về tình hình sử dụng vốn đầu tư và chấp hành chính sách, chế độ tài chính đầu tư phát triển của Nhà nước;

đ) Thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện vốn tạm ứng của các nhà thầu, phải kiểm tra trước, trong và sau khi thực hiện ứng vốn cho các nhà thầu và đảm bảo thu hồi vốn ứng theo đúng quy định;

e) Thực hiện hạch toán kế toán theo chế độ kế toán đơn vị chủ đầu tư và quyết toán vốn đầu tư theo quy định hiện hành; hạch toán vốn sự nghiệp theo chế độ kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp và quyết toán vốn có tính chất đầu tư theo quy định. Hết năm kế hoạch, lập bảng đối chiếu số liệu thanh toán vốn đầu tư năm gửi Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư giao dịch để xác nhận theo 2

thời điểm: đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau và đến hết ngày 30/6 năm sau theo *Mẫu biểu số 07/ĐCSLTT ban hành kèm theo Thông tư này*;

g) Được yêu cầu thanh toán vốn khi đã có đủ điều kiện và yêu cầu Kho bạc Nhà nước trả lời và giải thích những nội dung chưa thoả đáng trong việc thanh toán vốn.

2. Kho bạc Nhà nước

a) Kiểm soát, thanh toán vốn kịp thời cho dự án khi đã có đủ điều kiện và đúng thời gian quy định;

b) Thực hiện theo quy trình thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư do Kho bạc Nhà nước hướng dẫn. Tổ chức công tác kiểm soát, thanh toán vốn theo quy trình nghiệp vụ và quy định của Nhà nước;

c) Có ý kiến bằng văn bản gửi chủ đầu tư đối với những khoản giảm thanh toán hoặc từ chối thanh toán, trả lời các vướng mắc mà chủ đầu tư đề nghị trong việc thanh toán vốn;

d) Kho bạc Nhà nước chỉ kiểm soát thanh toán căn cứ các tài liệu do chủ đầu tư cung cấp và theo nguyên tắc thanh toán đã quy định, không chịu trách nhiệm về tính chính xác của khối lượng, định mức, đơn giá, chất lượng công trình;

đ) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư cung cấp hồ sơ, tài liệu, thông tin có liên quan để phục vụ cho công tác kiểm soát thanh toán vốn;

e) Thường xuyên đôn đốc các chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án thực hiện đúng quy định về tạm ứng và thu hồi vốn tạm ứng, phối hợp với chủ đầu tư thực hiện kiểm tra vốn đã tạm ứng để thu hồi những khoản tạm ứng chưa sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích;

f) Về xử phạt vi phạm hành chính, Kho bạc Nhà nước thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2014/TT-BTC ngày 24/4/2014 của Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Kho bạc Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 192/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế (nếu có);

g) Thực hiện chế độ thông tin báo cáo và quyết toán sử dụng vốn đầu tư theo chế độ quy định;

h) Hết năm kế hoạch, xác nhận số thanh toán trong năm, lũy kế số thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách nhà nước cho từng dự án theo 2 thời điểm: đến hết ngày 31 tháng 01 năm sau và đến hết ngày 30 tháng 6 năm sau với các nội dung theo *Mẫu biểu số 07/ĐCSLTT ban hành kèm theo Thông tư này* hoặc xác nhận số vốn đã thanh toán theo yêu cầu quản lý;

i) Không tham gia vào các Hội đồng nghiệm thu ở các công trình, dự án; ✖

k) Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Tài chính và pháp luật của Nhà nước về việc nhận và thanh toán vốn đầu tư và vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước.

3. Đối với các Bộ, UBND các tỉnh, huyện, xã

a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các chủ đầu tư thuộc phạm vi quản lý thực hiện kế hoạch đầu tư, tiếp nhận và sử dụng vốn đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ Nhà nước;

b) Trong phạm vi thẩm quyền được giao, chịu trách nhiệm trước pháp luật nhà nước về những quyết định của mình.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quy định hiện hành, dự kiến phân bổ vốn đầu tư do địa phương quản lý để trình UBND cấp tỉnh phê duyệt theo quy định.

5. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cơ quan liên quan thẩm tra việc phân bổ vốn đầu tư, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư trước khi trình UBND cấp tỉnh quyết định giao kế hoạch vốn và tham mưu giúp UBND cấp tỉnh trong việc chỉ đạo, điều hành các chủ đầu tư thực hiện kế hoạch giao;

b) Phối hợp với các cơ quan chức năng hướng dẫn và kiểm tra các chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước, các nhà thầu thực hiện dự án về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm, trình cấp có thẩm quyền ra quyết định thu hồi các khoản, nội dung chi sai chế độ Nhà nước;

c) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện thẩm tra quyết toán các dự án do địa phương quản lý để trình UBND cấp tỉnh phê duyệt;

d) Thực hiện chế độ báo cáo theo đúng quy định;

đ) Được quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước, chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho công tác quản lý nhà nước về tài chính đầu tư phát triển, bao gồm các tài liệu liên quan đến công tác quản lý thanh toán, quyết toán vốn đầu tư.

6. Phòng Tài chính - Kế hoạch.

a) Tham mưu giúp UBND huyện phân bổ kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư do cấp huyện quản lý theo quy định; thực hiện thẩm định dự án, thẩm tra quyết toán các dự án do cấp huyện quản lý để trình UBND huyện phê duyệt và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn hàng năm theo quy định;

b) Được quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước huyện và chủ đầu tư cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết như điểm đ, khoản 5 Điều này;

c) Được quyền kiểm tra các chủ đầu tư, Kho bạc Nhà nước huyện, các nhà thầu thực hiện dự án về việc chấp hành chế độ, chính sách tài chính đầu tư phát triển, tình hình quản lý, sử dụng vốn đầu tư, tình hình thanh toán vốn đầu tư để có giải pháp xử lý các trường hợp vi phạm, trình cấp có thẩm quyền ra quyết định thu hồi các khoản, nội dung chi sai chế độ Nhà nước.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2015. Thông tư này thay thế Thông tư số 46/2010/TT-BTC ngày 08/4/2010 của Bộ Tài chính quy định quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư cho các dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kinh tế - xã hội của các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với các huyện nghèo hết hiệu lực thi hành.

2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh kịp thời để Bộ Tài chính nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, KBNN tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ DT (380).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Hiếu

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM

(Kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính)

Mã chương:

Đơn vị: triệu đồng

Via chương.

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết quận, huyện)	Mã số dự đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (lần đầu)			Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh nếu có)			Kế hoạch vốn NSTW trung hạn (nếu có)	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...				Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng cộng	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài	
									Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn đã ứng (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=(18+20)	18	19	20	21
	Tổng số																			
I	Vốn chuẩn bị đầu tư																			
1	Dự án ...																			
2	Dự án ...																			
II	Vốn thực hiện dự án																			
1	Dự án ...																			
2	Dự án ...																			
	Dự án ...																			

Ghi chú : + Khi tổng hợp vốn trong nước, vốn ngoài nước theo từng dự án; theo từng nguồn vốn và chia thành các dự án hoàn thành, chuyển tiếp và khởi công mới và theo nhóm công trình (A,B,C).

..., ngày... tháng... năm 20...

+ Cột 17 phản ánh số vốn được phân bổ trong năm (bao gồm cả số vốn bố trí để thu hồi số vốn đã ứng trước dự toán ngân sách năm sau nguồn vốn trong nước).

BỘ TRƯỞNG (CHỦ TỊCH UBND TỈNH)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước;
- Cơ quan tài chính.
- Lưu: VT ,...

XÁC NHẬN VỐN ĐÃ THANH TOÁN, VỐN CÒN DƯ CỦA KẾ HOẠCH NĂM.....

(Kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính)

Tên dự án:

Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư:

Thời gian khởi công - hoàn thành:

Quyết định đầu tư được duyệt (số, ngày, tháng, năm):

Tổng mức đầu tư được duyệt:

Tình hình thanh toán vốn:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch vốn được giao trong năm	Số vốn đã thanh toán			Tổng số vốn kế hoạch năm còn dư chưa thanh toán	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		
1	2	3	4	5	6	7=3-4	8
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	- Vốn trong nước						
	+ <i>Vốn Ngân sách trung ương</i>						
	+ <i>Vốn Ngân sách địa phương</i>						
	- Vốn ngoài nước						
2	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	+ <i>Vốn Ngân sách trung ương</i>						
	+ <i>Vốn Ngân sách địa phương</i>						
	Vốn ngoài nước						

..., ngày... tháng....năm 20...

CHỦ ĐẦU TƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU THUỘC NSNN NĂM....
(Kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chi tiết quận, huyện)	Mã số dự đầu tư	Mã ngành kinh tế (loại khoản)	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án (lần đầu)			Quyết định đầu tư dự án (điều chỉnh nếu có)			Kế hoạch vốn NST W trung hạn (nếu có)	Vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết kế hoạch năm trước	Kế hoạch vốn đầu tư năm ...				Số vốn đã thực hiện từ đầu năm đến nay	Kế hoạch điều chỉnh vốn đầu tư năm ...				Ghi chú
								Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư		Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				Tổng cộng	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài		Tổng cộng	Vốn trong nước		Vốn nước ngoài	
									Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN				Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn đã ứng (nếu có)				Tổng số	Trong đó: thu hồi vốn đã ứng (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17=(18+20)	18	19	20	21	22=(23+25)	23	24	25	26
	Tổng số																								
I	Vốn chuẩn bị đầu tư																								
1	Dự án ...																								
2	Dự án ...																								
	Dự án ...																								
II	Vốn thực hiện dự án																								
1	Dự án ...																								
2	Dự án ...																								
	Dự án ...																								

ngày...tháng...năm 20...

..., ngày... tháng... năm 20...

BỘ TRƯỞNG (CHỦ TỊCH UBND TỈNH)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- + Cột 17 phản ánh số vốn đã được phân bổ trong năm (bao gồm cả vốn bố trí để thu hồi số vốn đã ứng trước năm kế hoạch)
- + Cột 22 phản ánh số vốn điều chỉnh trong năm (bao gồm cả vốn bố trí để thu hồi số vốn đã ứng trước năm kế hoạch)

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước;
- Cơ quan tài chính.
- Lưu: VT ,...

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẦN GHI CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày nhận Giấy đề nghị thanh toán vốn đầu tư:.....

Kho bạc Nhà nước chấp nhận

Tạm ứng	Thanh toán
---------	------------

Theo nội dung sau:

(Khung nào không sử dụng thì gạch chéo)

Đơn vị tính: đồng.

Nội dung	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
Số vốn chấp nhận:			
+ Mục, tiểu mục.....			
+ Mục, tiểu mục.....			
+ Mục, tiểu mục.....			
+ Mục, tiểu mục.....			
Trong đó:			
+ Số thu hồi tạm ứng:			
Các năm trước:			
Năm nay:			
+ Thuế giá trị gia tăng			
.....			
+ Số trả đơn vị thụ hưởng:			

Bằng chữ:.....

Số từ chối:

--	--	--

Lý do từ chối:.....

Ghi chú:

....., ngàytháng.....năm 20...✱

CÁN BỘ THANH TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC KBNN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH THEO HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

(Kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính)

Tên dự án:

Mã dự án:

Tên gói thầu:

Hợp đồng số: ngày tháng năm

Bên giao thầu:

Bên nhận thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ngày.....tháng.....năm.....

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền			Ghi chú
			Theo hợp đồng	Thực hiện			Theo hợp đồng	Thực hiện		
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng số:									

1. Giá trị hợp đồng:

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Số tiền thu hồi tạm ứng kỳ này (theo quy định của hợp đồng):

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

+ Số đã tạm ứng:

+ Thanh toán khối lượng hoàn thành:

Số tiền bằng chữ:.....(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này).

Luỹ kế giá trị thanh toán:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT (nếu có)

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

...,ngày..... tháng..... năm 20...

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

**BẢNG KÊ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG ĐỀN BÙ
GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐÃ THỰC HIỆN**

(Kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính)

STT	Nội dung	QĐ phê duyệt phương án đền bù GPMB (dự án.....)		Số tiền Hội đồng đền bù GPMB đã chi trả cho đơn vị thụ hưởng theo phương án được duyet	Ghi chú
		Số, ngày, tháng, năm	Số tiền		
1	2	3	4	5	6
I	Thanh toán cho các cơ quan, tổ chức:				
	1.....				
	2.....				
II	Thanh toán trực tiếp cho hộ dân:				

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

...,ngàytháng.....năm 20...
HỘI ĐỒNG ĐỀN BÙ GPMB ✕
(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ CÔNG VIỆC, KHỐI LƯỢNG PHÁT SINH NGOÀI HỢP ĐỒNG ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN*(Kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính)*

Tên dự án: Mã dự án:

Tên gói thầu:

Hợp đồng số: ngày tháng năm

Bên giao thầu:

Bên nhận thầu:

Thanh toán lần thứ:

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số ngày.....tháng.....năm.....

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Công việc, khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng			Đơn giá thanh toán	Thành tiền		Ghi chú
			Tổng giá trị phát sinh	Thực hiện			Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này	
				Lũy kế đến hết kỳ trước	Thực hiện kỳ này				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Tổng số:								

1. Tổng giá trị phát sinh:

2. Giá trị tạm ứng theo hợp đồng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

3. Số tiền đã thanh toán công việc, khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

4. Lũy kế giá trị công việc, khối lượng, phát sinh thực hiện đến cuối kỳ này:

5. Số tiền thu hồi tạm ứng kỳ này (theo quy định của hợp đồng):

6. Giá trị đề nghị thanh toán kỳ này:

+ Số tạm ứng:

+ Thanh toán công việc, khối lượng phát sinh hoàn thành:

Số tiền bằng chữ:.....(là số tiền đề nghị thanh toán kỳ này).

Lũy kế giá trị thanh toán:

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)***ĐẠI DIỆN TƯ VẤN GIÁM SÁT (nếu có)***(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

...,ngày..... tháng..... năm 20...

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ*(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)*

BẢNG ĐỐI CHIẾU SỐ LIỆU THANH TOÁN VỐN ĐẦU TƯ NĂM...

(Kèm theo Thông tư số 22/2015/TT-BTC ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ Tài chính)

Tên dự án:

Mã dự án đầu tư:

Chủ đầu tư:

Thời gian khởi công - hoàn thành:

Quyết định đầu tư được duyệt (số, ngày, tháng, năm):

Tổng mức đầu tư được duyệt:

Tình hình thanh toán vốn:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Kế hoạch năm ...	Số vốn đã thanh toán trong năm...			Tổng số vốn theo kế hoạch còn lại chưa thanh toán	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó:			
				Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi		
1	2	3	4	5	6	7=3-4	8
A	Số liệu của chủ đầu tư:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
	Trong đó chia ra:						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
II	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
B	Số liệu của Kho bạc nơi giao dịch:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3)						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
	Trong đó chia ra:						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						

1	2	3	4	5	6	7=3-4	8
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
II	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
C	Chênh lệch vốn thanh toán trong năm:						
I	Vốn thanh toán trong năm (1+2+3):						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
1	Kế hoạch vốn trong năm						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
2	Vốn ứng trước kế hoạch năm sau (vốn trong nước)						
3	Vốn còn lại kế hoạch năm trước được phép kéo dài chuyển sang:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						
II	Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch:						
	Vốn trong nước						
	Vốn ngoài nước						

Ghi chú : + Số vốn thanh toán trong năm là số vốn được thanh toán theo niên độ NSNN theo quy định (đến hết 31/1 năm sau).

+ Số vốn ứng trước kế hoạch năm sau là số vốn được thanh toán đến 31/1 năm sau.

+ Số vốn kéo dài KH năm trước chuyển sang: (bao gồm số vốn kế hoạch năm thanh toán từ ngày 01/2 đến ngày 30/6 năm sau và số vốn được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài).

+ Lũy kế vốn thanh toán từ khởi công đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch là tổng số vốn kế hoạch đã phân bổ và vốn đã thanh toán cho dự án đến hết niên độ ngân sách năm kế hoạch.

- Vốn trong nước: là vốn ngân sách nhà nước các cấp trung ương, địa phương.

- Vốn ngoài nước: là vốn vay và vốn viện trợ của nước ngoài.

- Cột 6: vốn tạm ứng theo chế độ còn lại chưa thu hồi đến 31/1 năm sau.

..., ngày... tháng....năm 20...

CHỦ ĐẦU TƯ

KẾ TOÁN TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)

..., ngày... tháng....năm 20...

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên chức vụ và đóng dấu)